P – ISSN 3030 - 4644
E – ISSN 3030 - 4652

THƯỢNG HẢI VÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NGHIÊN CỨU SO SÁNH KHÔNG GIAN SÁNG TẠO TRONG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA

SHANGHAI AND HO CHI MINH CITY: A COMPARATIVE STUDY OF CREATIVE SPACES IN THE DEVELOPMENT OF CULTURAL INDUSTRIES

Đặng Thị Kiều Oanh

Khoa Văn hóa và Truyền thông, Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh
Tác giả liên hệ: goldenoriole28@gmail.com

DOI: *https://doi.org/10.70117/hdujs.3030-4652.91.10.2026.1265*

Ngày nộp bài: 07/4/2026; Ngày gửi phản biện: 18/4/2026; Ngày duyệt đăng: 30/10/2026

Từ khóa: Công nghiệp văn hóa, không gian sáng tạo, mạng lưới đô thị, Thượng Hải, Thành phố Hồ Chí Minh.

TÓM TẮT

Trong phát triển đô thị, mạng lưới không gian sáng tạo đóng vai trò kết nối nguồn lực và chủ thể văn hóa. Nghiên cứu so sánh cơ chế hình thành, quản trị và tái sử dụng không gian công nghiệp – di sản tại Thượng Hải và Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) bằng phương pháp nghiên cứu trường hợp so sánh định tính. Nghiên cứu này cho thấy Thượng Hải có mức độ thể chế hóa cao thông qua quy hoạch, chính sách và các cụm sáng tạo; trong khi đó, TP.HCM chủ yếu phát triển từ sáng kiến độc lập, sau đó từng bước nhận hỗ trợ công. Khác biệt thể hiện ở thể chế, cấu trúc không gian và mức độ liên kết giữa các chủ thể. Nghiên cứu cung cấp cơ sở tham khảo cho quản trị đô thị, đề xuất tăng cường kết nối, hoàn thiện cơ chế điều phối, hỗ trợ tài chính và khai thác hiệu quả không gian công nghiệp – di sản, hướng tới phát triển bền vững hệ sinh thái sáng tạo tại TP.HCM.

Keywords: Cultural industries, creative spaces, urban networks, Shanghai, Ho Chi Minh City.

ABSTRACT

In urban development, networks of creative spaces play a key role in connecting cultural resources and stakeholders. This study compares the formation, governance, and adaptive reuse of industrial heritage spaces in Shanghai and Ho Chi Minh City using a

qualitative comparative case study approach. The findings show that Shanghai has a high degree of institutionalization through planning, policies, and creative clusters, whereas Ho Chi Minh City's creative spaces have primarily emerged from independent initiatives, gradually receiving public-sector support. The differences lie in institutional arrangements, spatial structures, and the degree of connectivity among stakeholders. This study provides practical insights for urban governance and proposes measures to strengthen connectivity, improve coordination mechanisms, enhance financial support, and promote the effective use of industrial heritage spaces, thereby fostering the sustainable development of Ho Chi Minh City's creative ecosystem.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh kinh tế tri thức và toàn cầu hóa, công nghiệp văn hóa và kinh tế sáng tạo ngày càng được xem là những thành phần quan trọng của phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh đô thị. Các nghiên cứu về kinh tế sáng tạo và đô thị sáng tạo cho thấy không gian sáng tạo không chỉ cung cấp hạ tầng cho hoạt động sáng tạo mà còn thúc đẩy tương tác xã hội, đổi mới và hình thành bản sắc văn hóa đô thị (Howkins, 2002; Landry, 2000). Cùng với sự gia tăng của các không gian này, vấn đề không còn chỉ nằm ở sự tồn tại của từng địa điểm riêng lẻ mà còn ở khả năng kết nối chúng với các chủ thể công, tư, cộng đồng và tổ chức trung gian. Từ góc độ đó, mạng lưới không gian sáng tạo có thể được xem là một thành tố của hệ sinh thái sáng tạo đô thị, đồng thời đặt ra yêu cầu về tích hợp không gian sáng tạo vào quy hoạch và chính sách phát triển đô thị.

Một số nghiên cứu đã mở rộng cách tiếp cận từ từng không gian riêng lẻ sang mối quan hệ giữa không gian, cụm sáng tạo và quá trình tái cấu trúc đô thị (Zheng & Chan, 2014). Trong bối cảnh Việt Nam, nghiên cứu về Hà Nội cho thấy các không gian sáng tạo chủ yếu được hình thành từ sáng kiến của các chủ thể sáng tạo và cộng đồng, với quy mô tương đối nhỏ và sự hỗ trợ còn hạn chế từ khu vực công (Labbe et al., 2022). Bên cạnh đó, Nguyễn Thị Hồng Nhung (2023) và Nguyễn Thị Thu Phương (2023) nhấn mạnh vai trò của chính sách, nguồn lực và cơ chế hỗ trợ đối với sự phát triển của không gian sáng tạo và công nghiệp văn hóa. Các nghiên cứu trên cho thấy sự hình thành và phát triển của không gian sáng tạo gắn với cả điều kiện không gian, vai

trò của các chủ thể và cơ chế hỗ trợ. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa cấu trúc không gian, cơ chế quản trị và sự kết nối giữa các không gian sáng tạo vẫn chưa được làm rõ một cách hệ thống, đặc biệt trong so sánh các đô thị châu Á có bối cảnh thể chế và quá trình phát triển khác nhau.

Trên cơ sở khoảng trống đó, nghiên cứu này so sánh Thượng Hải và Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) nhằm làm rõ cách thức các không gian sáng tạo được hình thành, kết nối và thể chế hóa trong hai bối cảnh đô thị. Nghiên cứu tập trung vào ba vấn đề: (i) cơ chế hình thành và cấu trúc của mạng lưới không gian sáng tạo; (ii) vai trò của khu vực công và các chủ thể ngoài nhà nước trong quá trình phát triển và thể chế hóa; và (iii) việc tái sử dụng không gian công nghiệp – di sản trong hình thành các không gian và cụm sáng tạo. Qua đó, nghiên cứu góp phần bổ sung cách tiếp cận mạng lưới vào phân tích không gian sáng tạo và cung cấp cơ sở tham khảo cho phát triển hệ sinh thái sáng tạo tại TP.HCM.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính theo thiết kế nghiên cứu trường hợp so sánh, kết hợp phân tích chủ đề và đối chiếu giữa hai trường hợp Thượng Hải và TP.HCM. Thiết kế này được lựa chọn nhằm làm rõ cơ chế hình thành, vai trò của các chủ thể và quá trình kết nối, thể chế hóa không gian sáng tạo trong hai bối cảnh đô thị có đặc điểm tương đồng về vai trò kinh tế nhưng khác biệt về quá trình chuyển đổi đô thị và cơ chế quản trị.

Dữ liệu được thu thập từ ba nhóm nguồn chính: (i) văn bản chính sách – pháp lý và tài liệu chính thức của chính quyền về phát triển công nghiệp văn hóa, đổi mới sáng tạo và không gian sáng tạo; (ii) dữ liệu báo cáo thống kê của TP.HCM; và (iii) các công trình học thuật về đô thị sáng tạo, kinh tế sáng tạo, cụm sáng tạo, quản trị đô thị và tái sử dụng không gian. Các nguồn được lựa chọn dựa trên mức độ liên quan, độ tin cậy và khả năng cung cấp bằng chứng cho các tiêu chí phân tích.

Về khung phân tích, "mạng lưới không gian sáng tạo" được tiếp cận ở cấp độ định tính, trong đó các không gian sáng tạo được xem là các điểm nút (nodes), còn sự hợp tác, trao đổi tri thức, chia sẻ nguồn lực, tổ chức hoạt động và quan hệ giữa các chủ thể được xem là các dạng liên kết. "Cụm sáng tạo" được hiểu là sự tập trung tương đối của các hoạt động sáng tạo trong một không gian địa lý, trong khi "mạng lưới" nhấn mạnh quan hệ kết nối giữa các không gian và chủ thể, kể cả khi chúng không nằm trong cùng một khu vực. Nghiên cứu không thực hiện phân tích mạng lưới xã hội hoặc đo lường định lượng các chỉ số mạng lưới.

Dữ liệu được thu thập, phân loại và mã hóa theo năm nhóm tiêu chí: (i) bối cảnh chuyển đổi đô thị và cơ chế hình thành không gian; (ii) vai trò của nhà nước và các chủ thể ngoài nhà nước; (iii) cấu trúc không gian và mức độ liên kết giữa các không gian, chủ thể; (iv) tái sử dụng không gian công nghiệp – di sản; và (v) chính sách, nguồn lực và mức độ thể chế hóa. Sau đó, các kết quả được đối chiếu trong từng trường hợp và giữa hai trường hợp nhằm xác định những điểm tương đồng, khác biệt và đặc trưng về cơ chế hình thành và vận hành mạng lưới.

Thượng Hải và TP.HCM được lựa chọn làm hai trường hợp nghiên cứu do có những tương đồng về quy mô và vai trò của đô thị trong nền kinh tế quốc gia, đồng thời có sự khác biệt về quá trình chuyển đổi đô thị, cơ chế quản trị và mức độ phát triển của công nghiệp văn hóa. Việc lựa chọn hai trường hợp nhằm phục vụ phân tích so sánh định tính, không nhằm xem hai trường hợp là mẫu đại diện thống kê cho toàn bộ hệ sinh thái sáng tạo đô thị.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái lược về đô thị sáng tạo và không gian sáng tạo trong hệ sinh thái công nghiệp văn hóa

3.1.1. Khái niệm đô thị sáng tạo

Khái niệm "đô thị sáng tạo" nhấn mạnh vai trò của tri thức và sáng tạo trong phát triển đô thị. Theo cách tiếp cận này, sáng tạo không chỉ giới hạn trong lĩnh vực nghệ thuật mà còn được xem là nguồn lực cho quản trị, quy hoạch và phát triển kinh tế (Florida, 2019; Landry, 2000). Khái niệm này gắn với "hệ sinh thái sáng tạo đô thị", trong đó sự tương tác giữa hạ tầng vật chất và hạ tầng mềm, bao gồm thể chế, mạng lưới xã hội và môi trường văn hóa, có vai trò quan trọng đối với năng lực sáng tạo của đô thị (Zheng & Chan, 2014). Sự tương tác này tạo điều kiện cho hình thành các cụm sáng tạo và thu hút các chủ thể tham gia vào hoạt động sáng tạo.

Từ góc độ quy hoạch, phát triển đô thị sáng tạo đòi hỏi sự kết hợp giữa hạ tầng, không gian, di sản và chính sách, không chỉ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn hướng tới bảo tồn bản sắc và nâng cao chất lượng sống. Trong nghiên cứu này, lý thuyết đô thị sáng tạo được sử dụng như một khung phân tích để xem xét các không gian sáng tạo như những điểm nút trong hệ thống đô thị, qua đó phân tích mối quan hệ giữa không gian vật chất, hạ tầng mềm và mạng lưới tác nhân.

3.1.2. Mạng lưới không gian sáng tạo trong hệ sinh thái công nghiệp văn hóa

"Công nghiệp văn hóa" có thể được hiểu là các hoạt động sản xuất và phân phối hàng hóa, dịch vụ mang nội dung văn hóa trong nền kinh tế thị trường. Hesmondhalgh (2013) nhấn mạnh vai trò của sáng tạo nội dung trong các lĩnh vực như điện ảnh, âm

nhạc và truyền thông, trong khi Throsby (2008) cho rằng các hoạt động này đồng thời tạo ra giá trị kinh tế và giá trị văn hóa – xã hội.

Trong bối cảnh đô thị, công nghiệp văn hóa thường gắn với sự hình thành các cụm sáng tạo thông qua tập trung không gian, chia sẻ nguồn lực và tương tác giữa các chủ thể (Scott, 1997). Tuy nhiên, quá trình này cũng có thể tạo ra những hệ quả xã hội khi sức hấp dẫn của các khu vực sáng tạo làm gia tăng giá trị bất động sản, gây sức ép lên nghệ sĩ và cộng đồng sáng tạo tại chỗ (Mathews, 2010). Vì vậy, phát triển không gian sáng tạo cần được xem xét đồng thời với khả năng tiếp cận không gian và tính bền vững xã hội.

Nếu không gian sáng tạo là những địa điểm cung cấp hạ tầng vật chất và môi trường xã hội cho hoạt động sáng tạo, thì mạng lưới không gian sáng tạo nhấn mạnh các mối quan hệ kết nối giữa các không gian, chủ thể và nguồn lực. Các liên kết có thể được thể hiện thông qua hợp tác chuyên môn, chia sẻ cơ sở vật chất, trao đổi tri thức, tổ chức sự kiện, hỗ trợ doanh nghiệp, lưu chuyển nghệ sĩ và kết nối với các thiết chế công.

Cần phân biệt ba khái niệm có liên quan nhưng không đồng nhất. Không gian sáng tạo là địa điểm cụ thể nơi diễn ra các hoạt động sáng tạo; cụm sáng tạo là sự tập trung tương đối về mặt không gian của các hoạt động và tổ chức sáng tạo; còn mạng lưới không gian sáng tạo nhấn mạnh các mối liên kết giữa các không gian và chủ thể, có thể vượt ra ngoài phạm vi của một cụm địa lý. Do đó, việc một không gian hoặc cụm sáng tạo được thể chế hóa không đồng nghĩa với việc giữa các chủ thể đã hình thành một mạng lưới liên kết chặt chẽ.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu phân tích mạng lưới không gian sáng tạo thông qua ba thành phần: điểm nút, liên kết và cơ chế điều phối. Điểm nút bao gồm các không gian sáng tạo, trung tâm nghệ thuật, không gian làm việc chung, khu văn hóa – sáng tạo và các thiết chế hỗ trợ. Liên kết bao gồm hợp tác, trao đổi nguồn lực và tri thức, tổ chức sự kiện và kết nối thị trường. Cơ chế điều phối bao gồm chính sách, quy hoạch, tổ chức trung gian và các hình thức hợp tác công – tư. Khung phân tích này được sử dụng để đối chiếu trường hợp Thượng Hải và TP.HCM.

3.2. Thượng Hải: Từ tái sử dụng di sản công nghiệp đến hệ thống không gian sáng tạo được thể chế hóa

Thượng Hải là đô thị có vai trò quan trọng trong mạng lưới thương mại và kinh tế quốc tế của Trung Quốc, đồng thời sở hữu nguồn di sản công nghiệp phong phú gắn với quá trình công nghiệp hóa và chuyển đổi đô thị. Thành phố có dân số thường trú khoảng 24,8 triệu người và GDP đạt 5,67 nghìn tỷ nhân dân tệ (818 tỷ USD) (Chính quyền Nhân dân Thành phố Thượng Hải [SMPG], 2025).

Phát triển công nghiệp văn hóa và sáng tạo tại Thượng Hải được thúc đẩy thông qua hệ thống chính sách kết hợp giữa hỗ trợ theo ngành và phát triển hạ tầng, dịch vụ cho các chủ thể sáng tạo. Năm 2017, thành phố ban hành "50 chính sách về công nghiệp văn hóa và sáng tạo" (Shanghai Cultural and Creative Industries 50 Policies), tập trung vào các lĩnh vực như điện ảnh, biểu diễn, hoạt hình – trò chơi và thiết kế sáng tạo (CGTN, 2017). Cùng với đó, Chương trình nâng cao năng lực dịch vụ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (Innovation and Entrepreneurship Service Capability Enhancement Program) được triển khai nhằm nâng cao chất lượng các cơ sở hỗ trợ theo hướng chuyên môn hóa, thương hiệu hóa và quốc tế hóa. Đến năm 2021, Thượng Hải có hơn 500 cơ sở hỗ trợ đổi mới sáng tạo dựa trên khoa học và công nghệ và 137 khu công nghiệp văn hóa sáng tạo cấp thành phố (SMPG, 2021). Mặc dù có chức năng khác nhau, một số loại hình này có thể giao thoa về ươm tạo, cung cấp không gian làm việc và hỗ trợ hoạt động văn hóa sáng tạo, qua đó góp phần mở rộng các điểm tập trung nguồn lực sáng tạo trong đô thị.

Sự hình thành các không gian sáng tạo cũng gắn với quá trình tái cấu trúc đô thị hậu công nghiệp, đặc biệt thông qua tái sử dụng các công trình và khu vực công nghiệp cũ. M50 là trường hợp tiêu biểu, được chuyển đổi từ khu nhà máy cũ thành nơi tập trung các xưởng nghệ thuật, phòng trưng bày và tổ chức văn hóa. Tianzifang và 1933 Old Millfun cũng cho thấy khả năng chuyển đổi các không gian hiện hữu cho các hoạt động văn hóa, thương mại và sáng tạo. Dù khác nhau về quy mô và chức năng, các trường hợp này cho thấy tái sử dụng không gian có thể góp phần tạo lập các điểm tập trung hoạt động sáng tạo trong quá trình chuyển đổi đô thị. Ở cấp độ cụm, Zheng và Chan (2014) cho thấy sự phát triển của các cụm công nghiệp sáng tạo tại Thượng Hải có liên hệ với quá trình tái sử dụng không gian và chuyển đổi các khu vực đô thị hiện hữu. Song song với các không gian hình thành từ tái sử dụng, thành phố phát triển và quản lý các khu công nghiệp văn hóa sáng tạo như những không gian chuyên biệt, cung cấp hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ cho các chủ thể trong lĩnh vực văn hóa và sáng tạo.

Về thể chế và phân bổ nguồn lực, Thượng Hải kết hợp nhiều hình thức hỗ trợ như trợ cấp, tín dụng, đầu tư và bảo lãnh, đồng thời phối hợp chính sách về tài chính, thuế, nhân lực và đất đai (Ban Tuyên truyền Thành ủy Thượng Hải, 2020). Cơ chế hỗ trợ này không chỉ cung cấp nguồn lực tài chính mà còn tạo khung thể chế cho hoạt động và phát triển của các chủ thể văn hóa sáng tạo. Năm 2023, thành phố phân bổ gần 330 triệu nhân dân tệ cho 983 dự án văn hóa sáng tạo, trong đó có các dự án về siêu vũ trụ và trí tuệ nhân tạo tạo sinh (AIGC) (SMPG, 2024), cho thấy phạm vi hỗ trợ ngày càng mở rộng sang các lĩnh vực giao thoa giữa văn hóa, công nghệ và kinh tế số.

Nhìn tổng thể, Thượng Hải cho thấy quá trình chuyển từ tái sử dụng các không gian công nghiệp cũ sang phát triển một hệ thống không gian sáng tạo được hỗ trợ bởi

chính sách, quy hoạch và cơ chế phân bổ nguồn lực. Sự kết hợp giữa các không gian tái sử dụng, khu công nghiệp văn hóa sáng tạo và các chương trình hỗ trợ mới đã tạo nên nhiều điểm tập trung hoạt động và nguồn lực sáng tạo trong đô thị. Tuy nhiên, mức độ tập trung về không gian và thể chế hóa không đồng nghĩa với sự hình thành một mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các chủ thể. Zheng và Chan (2014) cho thấy các liên kết giữa doanh nghiệp và các chủ thể trong các cụm sáng tạo tại Thượng Hải vẫn có những giới hạn về mức độ và tính ổn định. Vì vậy, trường hợp Thượng Hải cần được nhìn nhận không chỉ ở khía cạnh mở rộng số lượng không gian sáng tạo và tăng cường hỗ trợ thể chế, mà còn ở câu hỏi về mức độ kết nối thực chất giữa các không gian và chủ thể trong toàn bộ hệ sinh thái sáng tạo đô thị.

3.3. Thành phố Hồ Chí Minh: Từ hệ sinh thái sáng tạo phân tán đến mạng lưới được hỗ trợ và thể chế hóa

TP.HCM là một trong những trung tâm kinh tế và văn hóa lớn của Việt Nam, với lịch sử đô thị hơn ba thế kỷ, cơ cấu kinh tế dịch vụ phát triển và khu vực doanh nghiệp tư nhân năng động. Những điều kiện này tạo môi trường thuận lợi cho sự hình thành các hoạt động sáng tạo và các không gian văn hóa độc lập.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và hợp nhất với tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu từ ngày 1/7/2025, TP.HCM có diện tích tự nhiên khoảng 6.772 km² và dân số trên 14 triệu người (Thông tấn xã Việt Nam, 2026). Trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa, năm 2024 thành phố có 29.861 doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa, chiếm khoảng 12,6% tổng số doanh nghiệp; thu hút khoảng 105.000 lao động và đóng góp khoảng 4,3 tỷ USD, tương đương 6,2% GRDP thành phố (Báo Nhân Dân, 2025).

Không gian sáng tạo tại TP.HCM hình thành trong bối cảnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và sự gia tăng của các chủ thể hoạt động trong nghệ thuật, công nghệ và các ngành dịch vụ sáng tạo. Các không gian như The Factory Contemporary Arts Centre, Saigon Outcast, Toong và The Hive không chỉ cung cấp địa điểm hoạt động mà còn tổ chức sự kiện, kết nối cộng đồng và tạo điều kiện trao đổi tri thức. Sự tham gia của nghệ sĩ, doanh nghiệp và các tổ chức độc lập cho thấy vai trò đáng kể của khu vực ngoài nhà nước trong quá trình hình thành hệ sinh thái sáng tạo tại thành phố.

Ở cấp độ chính sách, TP.HCM từng bước đưa phát triển công nghiệp văn hóa và đổi mới sáng tạo vào các chương trình, cơ chế hỗ trợ của thành phố. Quyết định số 4853/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 về phê duyệt Đề án Phát triển ngành công nghiệp văn hóa TP.HCM đến năm 2030 xác lập định hướng phát triển công nghiệp văn hóa ở cấp thành phố (Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2023). Bên cạnh đó, Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND tạo cơ sở cho chính sách hỗ trợ lãi suất đối với các dự án

đầu tư thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế – xã hội, trong khi Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND bổ sung các cơ chế hỗ trợ liên quan đến khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2023, 2024). Các chính sách này đồng thời được đặt trong định hướng chung của quốc gia về phát triển văn hóa. Đáng chú ý, Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam năm 2026 nhấn mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, hệ sinh thái khởi nghiệp và các cụm, khu công nghiệp sáng tạo (Bộ Chính trị, 2026). Qua đó, vai trò của chính quyền không chỉ dừng ở định hướng mà ngày càng thể hiện rõ hơn thông qua các cơ chế hỗ trợ đầu tư, đổi mới sáng tạo và phát triển công nghiệp văn hóa.

Ở cấp độ quốc tế, TP.HCM được UNESCO công nhận là Thành phố Sáng tạo về Điện ảnh vào năm 2025 và trở thành thành viên của Mạng lưới các Thành phố Sáng tạo của UNESCO. Việc tham gia mạng lưới mở rộng khả năng hợp tác, trao đổi tri thức và kết nối quốc tế trong lĩnh vực sáng tạo, đồng thời bổ sung một tầng liên kết quốc tế cho hệ sinh thái sáng tạo của thành phố (UNESCO, 2025).

Nhìn tổng thể, TP.HCM cho thấy quá trình chuyển từ hệ sinh thái sáng tạo chủ yếu hình thành bởi các nghệ sĩ, doanh nghiệp và tổ chức độc lập sang mô hình ngày càng được hỗ trợ bởi chính sách công và các mạng lưới hợp tác quốc tế. Các không gian sáng tạo vẫn có tính đa dạng và phân tán, trong khi vai trò của chính quyền ngày càng rõ hơn ở phương diện định hướng, hỗ trợ và điều phối. Vì vậy, quá trình này có thể được nhìn nhận như sự gia tăng phối hợp giữa các chủ thể nhà nước và ngoài nhà nước, thay vì sự thay thế hoàn toàn mô hình hình thành từ dưới lên bằng mô hình từ trên xuống.

3.4. Tương đồng và khác biệt giữa hai mô hình phát triển

So sánh hai trường hợp cho thấy Thượng Hải và TP.HCM đều sử dụng không gian văn hóa – sáng tạo như một thành phần của quá trình chuyển đổi đô thị và phát triển công nghiệp văn hóa. Tuy nhiên, hai thành phố khác nhau về cơ chế hình thành, cấu trúc không gian, vai trò của khu vực công và mức độ thể chế hóa (Bảng 1). Thượng Hải thể hiện rõ hơn xu hướng điều phối và tích hợp không gian sáng tạo vào quy hoạch, chính sách và hệ thống hỗ trợ đô thị, trong khi TP.HCM nổi bật hơn ở quá trình hình thành từ các sáng kiến của nghệ sĩ, doanh nghiệp và tổ chức độc lập trước khi ngày càng nhận được sự hỗ trợ từ khu vực công. Sự khác biệt này không nên được hiểu theo cách nhị nguyên giữa "top-down" và "bottom-up", mà nên được xem xét như sự khác nhau về trình tự và mức độ tham gia của các chủ thể nhà nước và ngoài nhà nước.

Bảng 1. So sánh đặc điểm phát triển không gian sáng tạo tại Thượng Hải và TP.HCM

Tiêu chí	Thượng Hải	TP.HCM	Nhận xét
Cơ chế hình	Vai trò điều phối và	Nhiều không gian	Cả hai đều có sự

thành và vai trò nhà nước	thể chế hóa của khu vực công tương đối rõ; các sáng kiến ngoài nhà nước ngày càng được tích hợp vào hệ thống chính sách.	hình thành từ nghệ sĩ, doanh nghiệp và tổ chức độc lập; khu vực công ngày càng tăng cường hỗ trợ và kết nối.	tham gia của nhà nước và chủ thể ngoài nhà nước; khác biệt chủ yếu ở trình tự và mức độ tham gia của khu vực công.
Cấu trúc không gian	Có xu hướng tập trung thành các cụm quy mô lớn, gắn với quy hoạch, khu văn hóa sáng tạo và tái cấu trúc đô thị.	Đa dạng và phân tán hơn, gồm trung tâm nghệ thuật, không gian sáng tạo, không gian làm việc chung, không gian sự kiện và địa điểm cộng đồng.	Thượng Hải có xu hướng tập trung theo cụm rõ hơn, trong khi TP.HCM thể hiện cấu trúc phân tán và đa dạng hơn.
Tái sử dụng di sản	Tái sử dụng nhà máy, kho bãi và khu vực đô thị cũ giữ vai trò đáng kể trong hình thành không gian sáng tạo và tái cấu trúc đô thị.	Có các trường hợp chuyển đổi công trình hiện hữu cho hoạt động văn hóa sáng tạo, nhưng chưa trở thành một cấu phần có tính hệ thống tương đương.	Tái sử dụng di sản công nghiệp có vai trò cấu trúc rõ hơn tại Thượng Hải.
Chính sách, nguồn lực và mức độ thể chế hóa	Kết hợp quy hoạch, phát triển không gian, hỗ trợ doanh nghiệp và các công cụ tài chính, tạo mức độ thể chế hóa tương đối rõ.	Khung chính sách và các cơ chế hỗ trợ đang được củng cố; quá trình kết nối và thể chế hóa diễn ra từng bước.	Cả hai đều gia tăng vai trò của chính sách công, nhưng khác nhau về thời điểm và mức độ phát triển của cơ chế hỗ trợ.
Các yếu tố hỗ trợ hệ sinh thái	Công nghệ mới, kinh tế số và không gian công cộng ngày càng được tích hợp vào các khu văn hóa sáng tạo.	Công nghệ, thiết chế văn hóa và không gian cộng đồng ngày càng hỗ trợ kết nối các chủ thể sáng tạo.	Cả hai đều mở rộng hệ sinh thái theo hướng kết hợp văn hóa, đổi mới và không gian đô thị, nhưng mức độ tích hợp khác nhau.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ các tài liệu và trường hợp nghiên cứu.

Về cơ chế hình thành và vai trò của khu vực công, khác biệt chủ yếu nằm ở trình tự phát triển. Tại Thượng Hải, các sáng kiến không gian sáng tạo ngày càng được tích hợp vào quy hoạch đô thị, chính sách công nghiệp văn hóa và các chương trình hỗ trợ của thành phố. Trong khi đó, tại TP.HCM, nhiều không gian được hình thành từ các chủ thể sáng tạo độc lập, sau đó từng bước nhận được sự hỗ trợ về chính sách và kết nối từ khu vực công. Do đó, khu vực công tại Thượng Hải thể hiện vai trò điều phối và tích hợp rõ hơn, còn tại TP.HCM vai trò này đang được củng cố trong một hệ sinh thái đã hình thành tương đối phân tán.

Sự khác biệt này đồng thời thể hiện qua cấu trúc không gian và vai trò của tái sử dụng di sản. Ở Thượng Hải, việc chuyển đổi nhà máy, kho bãi và các khu vực đô thị cũ góp phần hình thành những cụm sáng tạo gắn với quá trình tái cấu trúc đô thị. Các trường hợp như M50, West Bund và Tianzifang cho thấy nhiều hình thức khác nhau của quá trình này. Tại TP.HCM, việc chuyển đổi công trình hiện hữu cho hoạt động văn hóa – sáng tạo cũng xuất hiện, nhưng chưa hình thành một cấu trúc tái sử dụng di sản có tính hệ thống tương đương. Vì vậy, khác biệt giữa hai trường hợp không chỉ nằm ở số lượng không gian mà còn ở mức độ tích hợp không gian cũ vào chiến lược phát triển đô thị.

Về chính sách và mức độ thể chế hóa, cả hai thành phố đều đang gia tăng vai trò của khu vực công, nhưng ở những thời điểm và mức độ khác nhau. Thượng Hải đã hình thành tương đối sớm hệ thống kết hợp giữa quy hoạch, phát triển không gian, hỗ trợ doanh nghiệp và công cụ tài chính, qua đó tạo điều kiện để các không gian sáng tạo được tích hợp vào hệ thống phát triển đô thị. Tại TP.HCM, quá trình này đang diễn ra theo hướng bổ sung dần các cơ chế hỗ trợ và kết nối cho một hệ sinh thái vốn được hình thành từ nhiều sáng kiến phân tán.

Nhìn tổng thể, hai trường hợp đều cho thấy sự kết hợp giữa sáng kiến ngoài nhà nước và điều phối của khu vực công, nhưng khác nhau về trình tự hình thành, cấu trúc không gian và mức độ thể chế hóa. Thượng Hải thể hiện rõ hơn quá trình tích hợp không gian sáng tạo vào quy hoạch và hệ thống hỗ trợ đô thị, trong khi TP.HCM cho thấy quá trình từ các sáng kiến phân tán đến việc từng bước hình thành cơ chế hỗ trợ và kết nối của khu vực công. Do đó, "top-down" và "bottom-up" phù hợp hơn khi được sử dụng như hai xu hướng phân tích, thay vì hai mô hình hoàn toàn đối lập.

3.5. Một số hàm ý chính sách phát triển mạng lưới không gian sáng tạo ở Thành phố Hồ Chí Minh

Trên cơ sở kết quả so sánh, nghiên cứu đề xuất bốn nhóm hàm ý chính sách nhằm tăng cường kết nối, điều phối và hỗ trợ phát triển mạng lưới không gian sáng tạo tại TP.HCM:

Thể chế hóa tái sử dụng di sản và công trình hiện hữu: Xây dựng cơ chế quy hoạch, bảo tồn và khai thác phù hợp để chuyển đổi các công trình, khu vực có giá trị thành không gian văn hóa – sáng tạo, trên cơ sở đặc điểm và giá trị riêng của từng địa điểm.

Tăng cường tổ chức trung gian và cơ chế kết nối: Phát huy vai trò của các tổ chức trung gian trong kết nối không gian sáng tạo với nghệ sĩ, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, thiết chế văn hóa và khu vực công; ưu tiên chia sẻ nguồn lực, thông tin và cơ hội hợp tác thay vì chỉ gia tăng số lượng không gian.

Phát triển mạng lưới theo hướng đa trung tâm: Kết hợp các cụm hoặc trung tâm sáng tạo với những không gian quy mô cộng đồng ở các khu vực khác nhau, phù hợp với đặc điểm phân tán của hệ sinh thái TP.HCM và tăng khả năng liên kết giữa các cấp độ không gian.

Xây dựng cơ chế tài chính và hỗ trợ dài hạn: Phát triển các hình thức hỗ trợ phù hợp với quy mô và đặc điểm đa dạng của doanh nghiệp sáng tạo, tổ chức độc lập và không gian văn hóa sáng tạo, đồng thời chú trọng khả năng tiếp cận và tính bền vững tài chính.

Nhìn chung, các hàm ý trên hướng tới tăng cường năng lực kết nối và điều phối của khu vực công, đồng thời duy trì tính đa dạng và chủ động của hệ sinh thái sáng tạo. Kinh nghiệm quốc tế cần được vận dụng có chọn lọc, trên cơ sở điều chỉnh phù hợp với điều kiện thể chế, không gian và nguồn lực của TP.HCM.

4. KẾT LUẬN

Thông qua so sánh trường hợp Thượng Hải và TP.HCM, nghiên cứu tiếp cận không gian sáng tạo như một mạng lưới liên kết giữa không gian, chủ thể và nguồn lực, qua đó cho thấy sự phát triển của mạng lưới không chỉ phụ thuộc vào sự hình thành các địa điểm sáng tạo riêng lẻ mà còn vào khả năng kết nối, điều phối và huy động nguồn lực giữa các chủ thể. Cách tiếp cận này góp phần làm rõ mối quan hệ giữa không gian sáng tạo, quản trị đô thị và phát triển công nghiệp văn hóa, đồng thời cung cấp cơ sở tham khảo cho việc xây dựng chính sách tại TP.HCM. Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ tập trung vào hai trường hợp điển hình và chủ yếu dựa trên phân tích định tính, do đó chưa cho phép đánh giá đầy đủ sự khác biệt về quy mô, hiệu quả kinh tế – xã hội và mức độ liên kết của các mạng lưới. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi so sánh, kết hợp dữ liệu định lượng và phân tích mạng lưới để đánh giá sâu hơn hiệu quả, tính bền vững và khả năng thích ứng của các mô hình phát triển không gian sáng tạo trong những bối cảnh đô thị khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Tuyên truyền Thành ủy Thượng Hải. (2020, April 1). *Implementation measures for the special fiscal fund to promote the development of the creative design industry in Shanghai* [Shanghai Shi cujin chuangyi sheji chanye fazhan caizheng zhuanxiang zijin shishi banfa]. Shanghai Municipal Government. Truy cập ngày 10/3/2026, từ: https://www.shanghai.gov.cn/cmsres/02/029f359190784039a9d7f37fc6ea0b42/ac26d0e14da2e7c60f103038a32178fd.pdf

Báo Nhân Dân. (2025, 13 tháng 11). *Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký tham gia Mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO trong lĩnh vực điện ảnh*. Truy cập ngày 10/3/2026, từ: https://nhandan.vn/thanh-pho-ho-chi-minh-dang-ky-tham-gia-mang-luoi-cac-thanh-pho-sang-tao-cua-unesco-trong-linh-vuc-dien-anh-post860117.html

Bộ Chính trị. (2026, 7 tháng 1). *Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam*. Truy cập ngày 10/3/2026, từ: https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-80-nq-tw-ngay-07-01-2026-cua-bo-chinh-tri-ve-phat-trien-van-hoa-viet-nam2.html

CGTN. (2017, December 15). *Shanghai looks to creative industries to boost GDP*. Truy cập ngày 10/3/2026, từ: https://news.cgtn.com/news/7863444d32637a6333566d54/share.html

Chính quyền Nhân dân Thành phố Thượng Hải [SMPG]. (2021, June 21). *Response to Proposal No. 0703 of the Fourth Session of the 13th Shanghai Municipal Committee of the Chinese People's Political Consultative Conference*. Truy cập ngày 10/3/2026, từ: https://www.shanghai.gov.cn/gwk/search/content/3bb9c35597f94087bcde9ac30ed732c8

Chính quyền Nhân dân Thành phố Thượng Hải [SMPG]. (2024, May 31). *Shanghai's cultural and creative industry continues to consolidate*. Truy cập ngày 10/3/2026, từ: https://english.shanghai.gov.cn/en-Latest-WhatsNew/20240531/348ca7b7fe2f4b9ca257c09294a4cdd8.html

Chính quyền Nhân dân Thành phố Thượng Hải [SMPG]. (2025, September 10). *Welcome to Shanghai*. Truy cập ngày 10/3/2026, từ: https://english.shanghai.gov.cn/en-Overview/20231207/a0323b4c7b034212b00dc4171ea90915.html

Florida, R. (2019). *The rise of the creative class*. New York, NY: Basic Books.

Hesmondhalgh, D. (2013). *The cultural industries* (3rd ed.). London, UK: SAGE Publications.

Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2023, 19 tháng 9*). Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND về ban hành quy định về hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư được Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh cho vay thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*. Thư Viện Pháp Luật. Truy cập ngày 10/3/2026, từ: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Nghi-quyet-09-2023-NQ-HDND-ho-tro-lai-suat-du-an-dau-tu-linh-vuc-uu-tien-phat-trien-kinh-te-Ho-Chi-Minh-584209.aspx

Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2024, 11 tháng 12). *Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND quy định các lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thu nhập phát sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp*. Thư Viện Pháp Luật. Truy cập ngày 10/3/2026, từ: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Nghi-quyet-31-2024-NQ-HDND-hoat-dong-khoi-nghiep-doi-moi-sang-tao-duoc-mien-thue-Ho-Chi-Minh-637336.aspx

Howkins, J. (2002). *The creative economy: How people make money from ideas*. London, UK: Penguin Books.

Labbe, D., Zuberec, C., & Turner, S. (2022). Creative hubs in Hanoi, Vietnam: Transgressive spaces in a socialist state? *Urban Studies*, 59(15), 3184–3200. DOI: 10.1177/00420980221086371.

Landry, C. (2000). *The creative city: A toolkit for urban innovators*. London, UK: Earthscan.

Mathews, V. (2010). Aestheticizing space: Art, gentrification and the city. *Geography Compass*, 4(6), 660–675. DOI: 10.1111/j.1749-8198.2010.00331.x.

Nguyễn Thị Hồng Nhung. (2023). Thành phố Hồ Chí Minh tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(1), 49–55. DOI: 10.52714/dthu.12.1.2023.1017.

Nguyễn Thị Thu Phương. (2023). *Định vị các ngành công nghiệp văn hóa trong phát triển bền vững ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

Scott, A. J. (1997). The cultural economy of cities. *International Journal of Urban and Regional Research*, 21(2), 323–339. DOI: 10.1111/1468-2427.00075.

Thông tấn xã Việt Nam. (2026, 30 tháng 4). *Từ siêu đô thị tới "đô thị đặc biệt" Thành phố Hồ Chí Minh*. *Chính sách và Cuộc sống*. Truy cập ngày 10/3/2026, từ: https://chinhsachcuocsong.vnanet.vn/tu-sieu-do-thi-toi-do-thi-dac-biet-thanh-pho-ho-chi-minh/85582.html

Throsby, D. (2008). The concentric circles model of the cultural industries. *Cultural Trends*, 17(3), 147–164. DOI: 10.1080/09548960802361951.

UNESCO. (2025, November 25). *Ho Chi Minh City designated as a UNESCO Creative City of Film*. Truy cập ngày 10/3/2026, từ: https://www.unesco.org/en/articles/ho-chi-minh-city-designated-unesco-creative-city-film

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2023, 15 tháng 11). *Quyết định số 4853/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 về việc phê duyệt Đề án Phát triển ngành công nghiệp văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030*. Công báo Thành phố Hồ Chí Minh. Truy cập ngày 10/3/2026, từ: https://congbao.hochiminhcity.gov.vn/tin-tuc-tong-hop/uy-ban-nhan-dan-thanh-pho-ho-chi-minh-ban-hanh-quyet-%C4%91inh-so-4853-q%C4%91-ubnd-ve-phe-duyet-%C4%91e-an-phat-trien-nganh-cong-nghiep-van-hoa-thanh-pho-ho-chi-minh-%C4%91en-nam-2030

Zheng, J., & Chan, R. (2014). The impact of 'creative industry clusters' on cultural and creative industry development in Shanghai. *City, Culture and Society*, 5(1), 9–22. DOI: 10.1016/j.ccs.2013.08.001.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Tác giả tuyên bố không có bất kỳ xung đột lợi ích tài chính hoặc mối quan hệ cá nhân nào có thể ảnh hưởng đến nội dung và kết quả được trình bày trong bài báo này.

Thông tin tài trợ: Nghiên cứu này không nhận tài trợ từ bất kỳ nguồn bên ngoài nào.